

TÁC ĐỘNG CỦA THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

● TRƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

TÓM TẮT:

Trong gần 4 thập kỷ qua, Việt Nam được quốc tế công nhận thành công trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) nhờ môi trường đầu tư hấp dẫn, nền tảng chính trị ổn định và tiềm năng tăng trưởng kinh tế khá cao. Bài viết phân tích tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tác động của FDI đến thị trường lao động và việc làm, tác động của FDI đến chuyển giao khoa học công nghệ, tác động của FDI đến môi trường ở Việt Nam; đồng thời đưa ra những hàm ý giải pháp nhằm thúc đẩy thu hút FDI vào Việt Nam trong thời gian tới.

Từ khóa: vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, phát triển kinh tế, tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

1. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam

Năm 2022, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt gần 27,72 tỷ USD, mức vốn FDI thực hiện đạt kỷ lục 22,4 tỷ USD, đây là số vốn FDI thực hiện cao nhất trong 5 năm gần đây. Tính lũy kế trong giai đoạn 1986 - 2022, Việt Nam đã thu hút được gần 438,7 tỷ USD vốn FDI (Tổng cục Thống kê, 2022).

Đến nay, đã có 108 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư tại Việt Nam. Trong đó, Singapore dẫn đầu với tổng vốn đầu tư gần 6,46 tỷ USD, Hàn Quốc đứng thứ hai với gần 4,88 tỷ USD, Nhật Bản đứng thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 4,78 tỷ USD, tiếp theo là Trung Quốc (2,52 tỷ USD), Hồng Kông (2,22 tỷ USD). Các nhà đầu tư nước ngoài đã đầu tư vào 19/21 ngành kinh tế, trong đó: Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đạt hơn 16,8 tỷ USD, chiếm 60,6% tổng vốn đầu tư đăng ký năm 2022; ngành Kinh doanh bất động sản đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn

4,45 tỷ USD, chiếm 16,1% tổng vốn đầu tư đăng ký; tiếp theo lần lượt là các ngành sản xuất, phân phối điện (với vốn đầu tư đăng ký 2,26 tỷ USD), hoạt động chuyên môn khoa học công nghệ với vốn đăng ký đạt gần 1,29 tỷ USD; còn lại là các ngành khác (Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2022)

Năm 2022, nhiều dự án được tăng vốn đầu tư như dự án sản xuất, chế tạo các sản phẩm điện tử, công nghệ cao được tăng vốn với quy mô lớn; Dự án Samsung Electro-mechanics Việt Nam (Thái Nguyên); Dự án Công ty TNHH Điện tử Samsung HCMC CE Complex tăng vốn trên 841 triệu USD (Phạm Thị Thanh Bình - Vũ Văn Hà, 2023). TP. Hồ Chí Minh dẫn đầu với tổng vốn đầu tư đăng ký hơn 3,94 tỷ USD, chiếm 14,2% tổng vốn đầu tư đăng ký. Bình Dương đứng thứ hai với tổng vốn đầu tư hơn 3,14 tỷ USD, chiếm 11,3% tổng vốn. Quảng Ninh xếp thứ ba với tổng vốn đầu tư đăng ký gần 2,37 tỷ USD (Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch

và Đầu tư, 2022). Nhiều nhà đầu tư lớn trên thế giới như Apple, Goertek, Foxconn, Luxshare đang có kế hoạch chuyển các hoạt động sản xuất và tăng vốn đầu tư vào Việt Nam. Apple đã chuyển 11 nhà máy của các doanh nghiệp Đài Loan trong chuỗi cung ứng của hãng sang Việt Nam càng khẳng định bước “chuyển mình” để Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất mới của thế giới. (Phạm Thị Thanh Bình - Vũ Văn Hà, 2023).

2. Tác động của FDI đến nền kinh tế Việt Nam

2.1. Tác động của FDI đến tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

FDI đóng vai trò lớn trong đầu tư toàn xã hội tại Việt Nam. Cụ thể, vốn FDI chiếm 13,1% tổng vốn đầu tư xã hội vào năm 1990 và tăng mạnh lên mức 32,3% trong năm 1995. Tỷ lệ này đã giảm dần trong giai đoạn 1996-2000, do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính khu vực (năm 2000 chiếm 20%) và trong giai đoạn 2001-2010, chiếm khoảng 16% tổng vốn đầu tư xã hội. Trong giai đoạn 2011-2020, bình quân vốn FDI thực hiện hàng năm chiếm khoảng 22% vốn đầu tư xã hội (Tổng cục Thống kê, 2020). FDI là một nhân tố quan trọng đóng góp rất lớn đến chuyển dịch cơ cấu ngành theo hướng công nghiệp hóa ở Việt Nam và tỷ trọng công nghiệp so với GDP tăng lên là nhờ đáng kể vào khu vực FDI. Cụ thể, khu vực FDI tác động tích cực đến chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại hóa trong từng lĩnh vực. Trong lĩnh vực Nông - lâm - ngư nghiệp: tốc độ tăng trưởng sản lượng của khu vực FDI luôn cao hơn khu vực kinh tế trong nước đã góp phần nhất định vào việc chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp, đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao giá trị hàng hóa nông sản xuất khẩu và tiếp thu một số công nghệ tiên tiến, giống cây, giống con có năng suất, chất lượng cao đạt tiêu chuẩn quốc tế. Trong lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng: khu vực FDI chiếm khoảng 55% tổng giá trị sản xuất công nghiệp, đã góp phần hình thành một số ngành công nghiệp chủ lực của nền kinh tế như viễn thông, khai thác dầu khí, điện tử, hóa chất, ô tô, xe máy, công nghệ thông tin, thép, xi măng, chế biến nông sản thực phẩm, da giày, dệt may... Các doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng lớn trong các ngành công nghệ cao

như khai thác dầu khí, công nghiệp điện tử, viễn thông, thiết bị văn phòng, máy tính. Trong lĩnh vực Dịch vụ: FDI tác động quan trọng nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng và kiểm toán với các phương thức hiện đại trong thanh toán, tín dụng, thẻ. FDI trong lĩnh vực du lịch, khách sạn, văn phòng cho thuê đã làm thay đổi bộ mặt của một số đô thị lớn và các vùng ven biển. Nhiều khu vui chơi giải trí như sân golf, bowling, vui chơi có thưởng đã tạo ra điều kiện hấp dẫn đối với nhà đầu tư và khách quốc tế.

2.2. Tác động của FDI đến thị trường lao động và việc làm

Khu vực FDI góp phần không nhỏ trong việc tạo việc làm cho thị trường lao động Việt Nam. Theo báo cáo của Hiệp hội Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài (VAFIE), khu vực doanh nghiệp FDI đã và đang tạo công ăn việc làm cho 4,6 triệu người lao động, chiếm hơn 7% tổng số lao động của Việt Nam (Hà Thị Thu Phương - Đinh Khắc Tiến, 2023). Bên cạnh tạo việc làm trực tiếp, khu vực FDI cũng gián tiếp tạo việc làm cho rất nhiều lao động trong các ngành công nghiệp phụ trợ hay các doanh nghiệp khác nằm trong chuỗi cung ứng hàng hóa cho các doanh nghiệp FDI. Sự chuyển dịch cơ cấu lao động từ các ngành thâm dụng lao động tay nghề thấp sang các ngành sử dụng nhiều lao động chất lượng cao hơn được đẩy mạnh.

Trong thời kỳ đầu thu hút vốn đầu tư nước ngoài, lao động thường tập trung vào một số ngành sản xuất thâm dụng lao động như Dệt may, Da giày. Hiện nay, tỷ trọng lao động trong một số ngành sản xuất áp dụng công nghệ cao đang gia tăng nhanh chóng. Năng suất lao động có sự chuyển biến tích cực nhờ nguồn vốn của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài. Khu vực FDI cũng góp phần quan trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam thông qua hệ thống đào tạo nội bộ trong doanh nghiệp hoặc liên kết với các cơ sở đào tạo ngoài doanh nghiệp. Trước những diễn biến vĩ mô hiện tại đồng thời để đáp ứng yêu cầu của hội nhập quốc tế, cơ cấu lao động ở Việt Nam đã và đang có sự dịch chuyển rõ rệt từ khu vực nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ, từ các lĩnh vực thâm dụng lao động sang các ngành sử dụng công nghệ, lao động có trình độ cao.

2.3. Tác động của FDI đến phát triển khoa học công nghệ

Đối với tất cả các nước đang phát triển, FDI là nguồn lực quan trọng để phát triển khoa học công nghệ. Vai trò này được thể hiện ở 2 khía cạnh chính, đó là chuyển giao công nghệ sẵn có từ bên ngoài vào và nghiên cứu, cải tiến phát triển công nghệ thích nghi, phù hợp với điều kiện thực tế, tăng khả năng công nghệ. Đây là mục tiêu quan trọng mà nước tiếp nhận FDI mong đợi từ các nhà đầu tư nước ngoài. Các hoạt động cải tiến công nghệ của các doanh nghiệp FDI tạo ra nhiều mối quan hệ liên kết cung cấp dịch vụ công nghệ từ các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong nước. Nhờ đó, sẽ gián tiếp tăng cường năng lực nghiên cứu, phát triển công nghệ (R&D) của địa phương. Mặt khác, trong quá trình sử dụng các công nghệ nước ngoài được chuyển giao, các nhà đầu tư trong nước có cơ hội nghiên cứu, phát triển công nghệ thông qua việc học được cách thiết kế, chế tạo, tiếp thu được công nghệ nguồn, sau đó cải biến cho phù hợp với điều kiện sử dụng của địa phương và biến chúng thành những công nghệ của mình. Thời gian qua, FDI đã góp phần thúc đẩy đổi mới và chuyển giao khoa học công nghệ ở Việt Nam. Thông qua FDI, một số ngành đã tiếp thu được công nghệ tiên tiến với trình độ hiện đại của thế giới, như: bưu chính - viễn thông, dầu khí, xây dựng, cầu đường... Đồng thời, nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã đổi mới nâng cấp các trang thiết bị đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng cao của nền kinh tế. Cũng từ việc thu hút được nhiều công nghệ mới, tiên tiến, Việt Nam đã sản xuất ra được nhiều sản phẩm mới trước đây trong nước chưa từng làm. Nhiều ngành nghề, sản phẩm mới được tạo ra với công nghệ hiện đại, chất lượng tạo tiêu chuẩn quốc tế, góp phần tăng đáng kể năng lực sản xuất và khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam. Điều này đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hóa. Nhiều nguồn lực trong nước như lao động, đất đai, tài nguyên được khai thác và sử dụng tương đối hiệu quả. Đi liền với chuyển giao công nghệ là quá trình tiếp nhận kinh nghiệm quản lý tiên tiến trên thế giới và đào tạo được đội ngũ lao động có trình độ cao, có khả năng sử dụng được các công nghệ hiện đại.

Tuy nhiên, trên thực tế, chuyển giao công nghệ qua các dự án FDI vẫn chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng, chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình phát triển kinh tế. Tính cạnh tranh của sản phẩm trên thương trường quốc tế còn yếu kém do hầu hết các công nghệ sử dụng trong FDI là các công nghệ đã cũ. Hoạt động chuyển giao công nghệ vẫn còn có một số tồn tại cần sớm khắc phục như: định hướng thu hút công nghệ cao, công nghệ khuyến khích đầu tư chưa đạt mục tiêu đặt ra; mặc dù công nghệ đưa vào qua kênh này hầu hết có trình độ bằng hoặc cao hơn công nghệ sẵn có ở Việt Nam một chút, nhưng mới chỉ đạt mức trung bình hoặc trung bình tiên tiến so với các nước trong khu vực. Những công nghệ được chuyển giao theo các dự án FDI thường là công nghệ được đưa vào theo lợi ích của nhà đầu tư, mà thường không phải theo nhu cầu đổi mới công nghệ do phía Việt Nam chủ động đưa ra. Hiện nay, công tác lựa chọn công nghệ của Việt Nam còn rất yếu kém. Các doanh nghiệp thực hiện chuyển giao công nghệ do nhu cầu của thị trường chứ không phải do chủ động kế hoạch. Hơn nữa, những công nghệ được chuyển giao phần lớn là do phía nước ngoài tự giới thiệu chứ không phải tự các doanh nghiệp của Việt Nam tìm kiếm hoặc tự nghiên cứu, thiết kế. Do vậy, các công nghệ chuyển giao vào Việt Nam trong thời gian qua còn chưa đáp ứng được đầy đủ yêu cầu của đất nước trong giai đoạn hiện nay.

2.4. Tác động của FDI đến môi trường

Thực tiễn cho thấy, trong thời kỳ đầu của quá trình thu hút vốn FDI, nhiều nước đang phát triển có xu hướng nới lỏng các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường nhằm cạnh tranh với các nước khác trong quá trình thu hút vốn. Điều này dẫn tới nguy cơ gia tăng mức độ ô nhiễm môi trường. Ở Việt Nam, cơ cấu ngành của đầu tư nước ngoài hiện chủ yếu tập trung vào lắp ráp, giá trị gia tăng thấp. Gần đây, có chiều hướng dịch chuyển dòng FDI tiêu tốn năng lượng và tài nguyên, không thân thiện với môi trường, như: sửa chữa tàu biển, khai thác và tận thu khoáng sản không gắn với chế biến sâu, sản xuất bột giấy, sản xuất hóa chất, chế biến nông sản thực phẩm vào Việt Nam. Về cơ bản, thời gian qua, các doanh nghiệp FDI đã thể hiện việc tuân thủ các quy định về môi trường khá tốt. Tuy nhiên, có không ít

doanh nghiệp FDI vận hành nhà máy xử lý nước thải chưa tuân thủ theo quy định, gây tác động không nhỏ đến môi trường. Mặt khác, các cơ quan quản lý và giám sát về môi trường còn thiếu cả về thiết bị và nhân lực nên công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra còn khá hạn chế, chế tài xử phạt chưa có tính răn đe cao. Nhìn chung, không phải tất cả các doanh nghiệp đều có thể xác định một cách cụ thể các chất thải và những tác hại của nó đến môi trường và có đội ngũ nhân viên chuyên trách về môi trường để hiểu đầy đủ về quá trình sản xuất và nguồn phát thải. Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp chưa chú trọng các hoạt động phòng ngừa ô nhiễm môi trường trước khi tiến hành sản xuất như đầu tư cho công nghệ sản xuất sạch, đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải, nước thải.

3. Hàm ý giải pháp

Thứ nhất, Việt Nam cần phải thu hút vốn đầu tư có chọn lọc. Thu hút FDI phải lấy chất lượng làm trọng để hướng nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững. Việt Nam phải nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài với mục tiêu tập trung thu hút đầu tư nước ngoài có chọn lọc, lấy chất lượng, hiệu quả, công nghệ và bảo vệ môi trường là tiêu chí đánh giá. Thu hút những dự án có giá trị gia tăng cao, có tính lan tỏa, kết nối doanh nghiệp trong nước với nước ngoài, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội. Thu hút FDI cần lựa chọn và ưu tiên các nhà đầu tư nước ngoài, tập đoàn lớn, có công nghệ tiên tiến dẫn đầu trong ứng dụng công nghệ, thân thiện với môi trường và thật sự có năng lực, xóa bỏ việc thu hút FDI tràn lan. Liên kết khu vực FDI với khu vực kinh tế trong nước nhằm tạo dựng và phát triển công nghiệp phụ trợ trong nước. Chiến lược thu hút FDI phải gắn liền với việc tranh thủ cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Chủ động quảng bá, mời gọi các tập đoàn đa quốc gia, các công ty và thương hiệu lớn đầu tư vào Việt Nam, các khu vực có thế mạnh về công nghệ, vốn, kỹ năng quản lý. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài vào lĩnh vực công nghệ cao, có tính chất mũi nhọn và khả năng bứt phá, tạo ra nhiều giá trị gia tăng như công nghệ mới, được

phẩm, dịch vụ tài chính - ngân hàng, du lịch, nông nghiệp sạch và chế biến thực phẩm.

Thứ hai, cần tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh. Để thu hút FDI được hiệu quả, việc tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sửa đổi chính sách thu hút đầu tư nước ngoài là vô cùng cần thiết. Bên cạnh những lợi thế cạnh tranh như tính ổn định về chính trị, thị trường tiêu thụ lớn, Chính phủ đổi mới, lực lượng lao động dồi dào với chi phí cạnh tranh so với các nước trong khu vực, các nhà đầu tư vào Việt Nam vẫn còn những quan ngại liên quan đến sự thiếu ổn định về chính sách, một số quy định pháp luật còn hạn chế, bất cập, gây ra những khó khăn cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện. Do vậy cần đơn giản hóa quy trình thành lập doanh nghiệp, số hóa và các thủ tục hành chính trong lĩnh vực hải quan, thủ tục hành chính về thuế và bảo hiểm xã hội, từ đó nâng cao hơn nữa năng lực cạnh tranh quốc gia và lợi thế so sánh với các nước trong khu vực. Hàng loạt các luật liên quan đến đầu tư, kinh doanh như Luật Đầu tư sửa đổi, Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư đã được thông qua với rất nhiều điểm mới, theo hướng đơn giản hóa thủ tục đầu tư, minh bạch và đa dạng hóa các hình thức đầu tư, bổ sung cơ chế ưu đãi đầu tư cho các dự án quy mô lớn đáp ứng các tiêu chí đóng góp lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đã làm tăng sức hấp dẫn của Việt Nam.

Thứ ba, cần duy trì ưu đãi hỗ trợ đầu tư. Ngoài việc xây dựng môi trường kinh doanh tạo thuận lợi cho các nhà đầu tư, Việt Nam cần tiếp tục xây dựng cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp trong nước kết nối với doanh nghiệp FDI như cơ chế hỗ trợ về lãi suất, tài chính, tiếp cận các nguồn lực đầu tư để nâng cấp các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước đủ khả năng tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu. Mục tiêu lớn nhất của các nhà đầu tư nước ngoài là lợi nhuận, nên thuế thu nhập doanh nghiệp thấp là một yếu tố quan trọng để thu hút FDI. Sử dụng công cụ thuế thu nhập doanh nghiệp thấp, kết hợp với các yếu tố khác như hoàn thiện thể chế, mở cửa nền kinh tế, tăng cường đào tạo nhân lực chất lượng cao sẽ giúp khắc phục điểm yếu về quy mô kinh tế, nhờ đó tạo cơ hội thành công trong thu hút FDI. Tạo niềm tin cho các nhà đầu tư bằng những cơ chế,

chính sách công bằng, hợp lý. Xóa bỏ hoàn toàn các chi phí không chính thức, bởi đây là nút thắt cản trở dòng vốn đầu tư không chỉ của các doanh nghiệp FDI mà còn của các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Chủ động triển khai các chiến dịch vận động xúc tiến đầu tư, khẳng định Việt Nam là điểm đến đầu tư an toàn, tin cậy. Chú trọng công tác đối thoại chính sách, có biện pháp kịp thời tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp FDI.

Thứ tư, tăng cường bảo vệ môi trường. Để khắc phục nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở khu vực FDI, chính sách đầu tư và chính sách về môi trường ở Việt Nam hiện nay không phân biệt đối xử giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước. Để giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường, cần tiếp tục hoàn thiện các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường theo hướng rõ ràng hơn và ổn định hơn, khắc phục tính văn bản pháp quy thiếu hướng dẫn, ban hành không đúng lúc, hay thay đổi; Cần xây dựng một hệ thống thông tin chính thức để giúp doanh nghiệp FDI cập nhật thông tin về chính sách và các yêu cầu từ các cơ quan chức năng; đặc biệt là cần tăng cường hiệu lực và hiệu quả thực thi các chính sách về môi trường; Công tác kiểm tra, giám sát cần được thực hiện đồng thời cả cơ chế tiền kiểm và hậu kiểm về vấn đề môi trường đối với các dự án FDI nói riêng, cũng như dự án đầu tư nói chung.

Cần xây dựng năng lực quản lý môi trường cho phù hợp với các yêu cầu của pháp luật Việt Nam. Không chỉ tăng cường năng lực cho các cán bộ quản lý môi trường của các cơ quan có chức năng quản lý, mà còn cần đào tạo và nâng cao trình độ chuyên môn của các cán bộ phụ trách về môi trường ở các doanh nghiệp.

Cần có sự phối hợp ăn khớp giữa các cơ quan quản lý môi trường như: cảnh sát môi trường, sở tài nguyên và môi trường, ban quản lý các khu công nghiệp... để tránh chồng chéo trong theo dõi, giám sát việc tuân thủ các chính sách, quy định của doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp FDI nói riêng, tăng tính hiệu quả của kiểm tra, giám sát.

4. Kết luận

Trong Nghị quyết Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài, chú trọng chuyển giao công nghệ, trình độ quản lý tiên tiến và thị trường tiêu thụ sản phẩm; chủ động lựa chọn và có chính sách ưu đãi đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ quản lý và công nghệ hiện đại, có vị trí hiệu quả trong chuỗi giá trị toàn cầu, có liên kết với doanh nghiệp trong nước. Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với doanh nghiệp trong nước nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp quy mô lớn, chất lượng cao, gắn với các chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu”.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XII của Đảng về nâng cao hiệu quả sử dụng FDI, trước hết cần phải thể chế hóa đường lối, quan điểm của Đảng trong lĩnh vực này bằng các văn bản quy phạm pháp luật; Phải xác định rõ thu hút đầu tư nước ngoài vừa là thời cơ, cũng vừa là thách thức, đồng thời vừa đấu tranh, vừa hợp tác... từ đó Việt Nam mới phát huy nội lực và nâng cao khả năng chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Cần xây dựng mối quan hệ hợp tác, hai bên cùng có lợi, bảo đảm thu hút được nhiều FDI nhưng vẫn giữ được độc lập tự chủ về mọi mặt theo định hướng xã hội chủ nghĩa ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Hà Thị Thu Phương - Đinh Khắc Tiến (2023). Giải pháp tạo động lực làm việc cho người lao động tại doanh nghiệp FDI. Truy cập tại <https://taichinhdoanhngiep.net.vn/giai-phap-tao-dong-luc-lam-viec-cho-nguoi-lao-dong-tai-doanh-nghiep-fdi-d39193.html>
2. Tổng cục Thống kê (2022). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2022. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2022/12/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2022/>
3. Tổng cục Thống kê (2020). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2020. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2020/12/baocao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2020/>

3. Cục Đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2022). Tình hình thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam năm 2022. Truy cập tại <https://fia.mpi.gov.vn/Detail/CatID/457641e2-2605-4632-bbd8-39ee65454a06/NewsID/8dde962e-b940-4ac3-987e-df6d0346aeb3>

4. Phạm Thị Thanh Bình - Vũ Văn Hà (2023). Thu hút FDI của Việt Nam năm 2022 và triển vọng. Truy cập tại <https://sbv.gov.vn/webcenter/portal/vi/links/cm255?dDocName=SBV565661>

Ngày nhận bài: 18/4/2023

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 5/5/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/5/2023

Thông tin tác giả:

ThS. TRƯƠNG THỊ HOÀNG YẾN

Khoa Kinh tế chính trị

Học viện Báo chí và Tuyên truyền

A STUDY ON THE IMPACT OF FDI ATTRACTION ON VIETNAM'S SOCIO-ECONOMIC GROWTH

● Master. **TRUONG THI HOANG YEN**

Faculty of Political Economy

Academy of Journalism and Communications

ABSTRACT:

Over the past four decades, Vietnam has been internationally recognized for its success in attracting foreign direct investment (FDI) thanks to its attractive investment environment, stable politics, and high economic growth potential. This study analyzes the impact of FDI on Vietnam's economic growth and restructuring, the labor market, science and technology transfer, and the environment. Based on the study's findings, some solutions are proposed to help Vietnam better attract FDI in the coming years.

Keywords: foreign direct investment, economic development, economic growth, economic restructuring.